

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/HS-ST

Ngày: 20-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/HSST-QĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng T, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2002, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: E ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1984; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

2. Nguyễn Anh K, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: 11/1 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977 và bà Đặng Thị Thu H1, sinh năm 1980; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

3. Huỳnh Nhất T2, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: A ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1964

và bà Phạm Thị B1, sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

4. Lê Thành T3, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2002, tại Quảng Trị. Nơi thường trú: Tổ B, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi ở hiện tại: 47/10A2 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên lắp đặt camera; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T4, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Bích H2, sinh năm 1982; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2023 đến nay.

5. Võ Tấn L1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: 11/2 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn P, sinh năm 1970 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1972; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

6. Ngô Khả D, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2002, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vi T5, sinh năm 1975 và bà Ngô Kiêm C, sinh năm 1975; có vợ: Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 2003 và con mới sinh; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

7. Thái Minh Quốc H4, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 23/7G ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: A ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Minh H5, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1977; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

8. Huỳnh Minh T6, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: D ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T7, sinh năm 1965 và bà Đặng Mỹ L2, sinh năm 1967; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

9. Huỳnh Ngọc C1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú và nơi ở: 24/9 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc T8, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1973; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay.

10. Nguyễn Thái N2, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 19/4 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và nơi ở hiện tại: 42/13 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công

nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T9, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1978; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2023 đến nay.

11. Nguyễn Chính H7, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 1/31 khu phố G, Thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1975 và bà Dương Thị Thùy L3, sinh năm 1979; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2024 đến nay.

12. Nguyễn Phúc Bảo B2, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 104/71/24/6 khu phố A, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Nhà không số tổ 20 ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phúc Vĩnh P2, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Lệ C2, sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2024 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/12/2022, Nguyễn Trọng T đến Công ty C3 thuộc khu Công nghiệp H, Quận A tìm Lê Phi L4 đòi nợ. Khi đến nơi thì Nguyễn Thái N2 từ trong công ty đi ra nói với T: “Mày qua đây đòi tiền tao phải không?”. Nghe N2 nói vậy, T trả lời: “Qua tìm thằng L4 chứ mày với tao có gì đâu đòi” thì N2 xông vào dùng tay đánh T 02 cái. Lúc này L4 từ trong công ty chạy ra can ngăn, T bỏ đi về.

Bực tức việc bị đánh nên T điện thoại cho N2 hẹn đến quán H9, xã T, huyện H để giải quyết mâu thuẫn, đồng thời T rủ Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Khả D, Thái Minh Quốc H8, Lê Phạm Lê Q, Huỳnh Minh T6, Nguyễn Chính H7, Huỳnh Ngọc C1 đi đánh nhau với nhóm của N2 thì cả nhóm đồng ý. Lúc này có Nguyễn Hoàng S nhờ H7 chở đi đến tiệm cầm đồ trên đường L để chuộc xe.

Khi T điện thoại rủ đi đánh nhau thì N2 đang ngồi cùng với L4, Nguyễn Phúc Bảo B2 và Đặng Văn V trong công ty C3 nên L4 rủ B2 và V đi cùng với N2 đến gặp T để giải quyết mâu thuẫn. Vàng có nói với cả nhóm T là em họ của V nên V đi theo nhằm can ngăn việc đánh nhau giữa hai bên. Khi đi, N2 chuẩn bị 01 cây kéo và đưa 01 con dao phay cho L4 rồi L4 cất dao vào бага xe của B2, riêng L4 chuẩn bị 01 bình xịt hơi cay (đã bị hư).

Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, nhóm của T đi trên 05 xe gắn máy đến điểm hẹn. Khi vừa đến điểm hẹn, T thấy N2, L4, Bảo B2 và V đang đứng phía trước quán

“Hữu Nghị” trên Đường N nên T xuống xe đi lại chỗ N2 thì bị N2 cầm cây kéo bằng kim loại trên tay chỉ về phía T hăm dọa, còn L4 cầm bình xịt hơi cay ra giơ về hướng của nhóm T đe dọa nên cả nhóm của T bỏ chạy bộ khoảng 10 mét thì dừng lại và D, T6, C1, H8 và L1 nhặt đá trên đường chơi về phía nhóm của N2. Sau đó, T nhặt 01 cây sắt, T3, T6, C1, Q mỗi người nhặt 01 khúc cây gỗ trên lề đường gần quán cà phê “Milano” trên Đường N, ấp T, xã T, huyện H rượt đuổi đánh nhóm N2 chạy trên đường N gây mất an ninh trật tự.

Do thấy nhóm của T cầm hung khí rượt đuổi, B2, L4, V lên xe điều khiển bỏ chạy; còn N2 chạy không kịp nên cầm cây kéo bỏ chạy vào quán cà phê “Milano” T, K, T2, T3, L1, D, C1, H7 (lúc này H7 đã chở S đến Đường L để S chuộc xe, còn H7 quay lại quán cà phê “Milano”), H8, Q, T6 chạy đuổi theo. Lúc này, K nhặt 01 miếng gạch bằng xi măng ở trước quán chơi về phía N2 nhưng không trúng; còn H8 lấy 01 chậu cây kiểng bằng xi măng đường kính khoảng 20cm trước quán chơi về phía N2 làm trúng vào tay trái N2. N2 bỏ trốn dưới gốc cây xanh trong quán nên D liền cầm 01 cái ghế trong quán cà phê có khung bằng gỗ trên 02 tay chơi về phía Nguyễn nhưng không trúng. Nguyễn bỏ chạy thì bị té ngã nên K chạy đến dùng chân phải đá vào vùng bụng N2 03 cái; T cầm 01 cây sắt đánh vào đùi rồi dùng chân phải đá vào mặt N2 02 cái; T6, Q, C1 và T3 cầm khúc cây gỗ đánh N2; L1 dùng tay, chân đánh, đá N2 nhiều cái. Thấy N2 bị rượt đánh chảy máu nên V chạy vào can ngăn không cho nhóm T đánh N2 rồi đưa N2 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 điều trị vết thương. Sau khi xảy ra sự việc, nhóm của T vứt cây sắt, 01 số cây gỗ, ghế, chậu kiểng tại hiện trường, Cơ quan điều tra không thu hồi được; đối với bình xịt hơi cay và con dao, L4 đem vứt bỏ ở trên Đường D, phường H, quận A, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đến ngày 13/12/2022, N2 đến Công an xã T trình báo vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra, T, C1, K, T2, T3, L1, D, H7, H8, Q, T6, N2, Bảo B2 và L4 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Công an và Ủy ban nhân dân xã T có báo cáo số 1112/BC-CATTT ngày 24/5/2023 về việc hai nhóm của T và N2 tụ tập, gây rối trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho người dân, tạo dư luận làm mất ANTT tại khu vực quán cà phê “Milano” đường N, ấp T, xã T, huyện H. Công an xã T chủ trì tiến hành mời nhân dân trong khu dân cư lấy ý kiến đánh giá. Các ý kiến thống nhất nhận định vụ việc trên xảy ra có tính chất phức tạp, làm hoang mang người dân gây mất ANTT tại địa bàn.

* Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 87/TgT.23 ngày 23/02/2023 của Trung tâm P3 đối với thương tích của Nguyễn Thái N2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng đỉnh đầu gây rách da (ảnh 6.1) được điều trị khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 2x0,3cm (ảnh 1).

Có tỉ lệ 01% (một phần trăm).

Thương tích do vật tày, tày có cạnh tác động gây ra.

- Chấn thương ngón 5 tay phải gây sưng nề mô mềm, gãy đốt gần ngón 5 (ảnh 2) đã được điều trị, hiện không có dấu vết thương tích bên ngoài, còn hình ảnh gãy xương trên phim XQuang (ảnh 3).

Có tỉ lệ 02% (hai phần trăm).

Thương tích do vật tày tác động gây ra.

- Đa chấn thương phần mềm vùng đầu gây sưng nề mô mềm vùng trán hốc mắt phải (ảnh 4), vùng trán đỉnh giữa (ảnh 5) và vùng đỉnh phải (ảnh 6.2) đã được điều trị, hiện không còn dấu vết thương tích bên ngoài và trên phim chụp cắt lớp vi tính.

Thông tư 22/2019/TT-BYT không quy định tỉ lệ về sưng bầm.

Nghĩ nhiều do vật tày tác động gây ra.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (ba phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Tất cả các vết thương, chấn thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại có cán màu đỏ; 02 (hai) cây gỗ dài khoảng 02 mét; 01 (một) cây sắt, là hung khí của nhóm T và N2 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKS - HM ngày 31 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo: Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2 phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sự việc xảy ra chưa gây hậu quả được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Nhất T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thành T3 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Võ Tấn L1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Khả D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Thái Minh Quốc H8 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T6 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc C1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái N2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chính H7 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc Bảo B2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm đến 05 năm.

* Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kéo bằng kim loại có cán màu đỏ; 02 (hai) cây gỗ dài khoảng 02 mét; 01(một) cây sắt, là hung khí của nhóm T và N2 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo không tranh luận; các bị cáo trình bày lời nói sau cùng là các bị cáo hối hận về hành vi của các bị cáo, nhận thức pháp luật chưa tới, suy nghĩ nông cạn, bốc đồng của tuổi trẻ, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ, tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập xã hội, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời trình bày của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyễn Trọng T có mâu thuẫn trước đó với Nguyễn Thái N2 vì bị N2 đánh nên khi Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Nguyễn Chính H7, Lê Phạm Lê Q cùng đến dự sinh nhật của Huỳnh Ngọc C1 vào chiều tối ngày 22/12/2022 thì T rủ cả nhóm cùng tham gia đánh N2 được cả nhóm đồng ý. Lúc này có Nguyễn Hoàng S nhưng S nhờ H7 chở đến Đường L để chuộc xe. S không tham gia vào việc đánh nhau cùng nhóm của T. T điện thoại cho rủ N2 đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn thì N2 rủ Lê Phi L4, Nguyễn Phúc Bảo B2 và Đặng Văn V cùng đi, N2 chuẩn bị kéo, L4 chuẩn bị bình xịt hơi cay, Đặng Văn V khi đi có nói đi theo để ngăn cản chứ không tham gia. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, nhóm của T đi trên 05 xe gắn máy đến điểm hẹn. T thấy Nguyễn Thái N2, Lê Phi L4, Nguyễn Phúc Bảo B2 và Đặng Văn V đang đứng phía trước quán “Hữu Nghị” trên Đường N nên T xuống xe đi lại chỗ N2 thì bị N2 cầm cây kéo bằng kim loại trên tay chỉ về phía T hăm dọa, còn L4 cầm bình xịt hơi cay ra giơ về hướng của nhóm T đe dọa nên cả nhóm của T bỏ chạy bộ khoảng 10 mét thì dừng lại và D2, T6, C1, H8 và L1 nhặt đá trên đường chơi về phía nhóm của N2. Sau đó, T nhặt 01 cây sắt, T3, T6, C1, Q mỗi người nhặt 01 khúc cây gỗ trên lề đường gần quán cà phê “Milano” trên Đường N, ấp T, xã T, huyện H rượt đuổi đánh nhóm N2 chạy trên đường N gây mất an ninh trật tự.

Do thấy nhóm của T cầm hung khí rượt đuổi, B2, L4, V lên xe điều khiển bỏ chạy; còn N2 chạy không kịp nên cầm cây kéo bỏ chạy vào quán cà phê “Milano” T, K, T2, T3, L1, D2, C1, H7, H8, Q, T6 chạy đuổi theo. Lúc này, K nhặt 01 miếng gạch bằng xi măng ở trước quán chơi về phía N2 nhưng không trúng; còn H8 lấy 01 chậu cây kiểng bằng xi măng đường kính khoảng 20cm trước quán chơi về phía N2 làm trúng vào tay trái N2. N2 bỏ trốn dưới gốc cây xanh trong quán nên D2 liền cầm 01 cái ghế trong quán cà phê có khung bằng gỗ trên 02 tay chơi về phía Nguyễn nhưng không trúng. Nguyễn bỏ chạy thì bị té ngã nên K chạy đến dùng chân phải đá vào vùng bụng N2 03 cái; T cầm 01 cây sắt đánh vào đùi rồi dùng chân phải đá

vào mặt N2 02 cái; T6, Q, C1 và T3 cầm khúc cây gỗ đánh N2; L1 dùng tay, chân đánh, đá N2 nhiều cái. Thấy N2 bị rượt đánh chảy máu nên V chạy vào can ngăn không cho nhóm T đánh N2 rồi đưa N2 đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1 điều trị vết thương. Sau khi xảy ra sự việc, nhóm của T vứt cây sắt, 01 số cây gỗ, ghế, chậu kiếng tại hiện trường, Cơ quan điều tra không thu hồi được; đối với bình xịt hơi cay và con dao, L4 đem vứt bỏ ở trên Đường D, phường H, quận A, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đến ngày 13/12/2022, N2 đến Công an xã T trình báo vụ việc.

Sự việc được chính quyền địa phương phát hiện thông báo và sau đó các bị cáo đã được Cơ quan cảnh sát điều tra mời làm việc, sự việc xảy ra gây náo nhiệt cho những người dân sinh sống trên địa bàn và gây hoang mang cho những người tham gia giao thông, gây lo lắng, bức xúc trong dư luận xã hội. Các bị cáo đã chuẩn bị và sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng.

[3] Nội dung khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc B2 Bảo phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng số 61/CT-VKS-HM ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Điều 318 Bộ luật hình sự quy định

“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;

.....”

[6] Áp dụng điều luật viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết, cần xem xét đến hành vi cụ thể của từng bị cáo có mức án tương xứng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và răn đe các đối tượng khác.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử có

xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, xem xét tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo để Quyết định hình phạt tương xứng như sau:

* Bị cáo Nguyễn Trọng T và Nguyễn Thái N2 là hai bị cáo giữ vai trò chính, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bị cáo N2 đánh bị cáo T trước, bị cáo N2 khi đi giải quyết mâu thuẫn với T chuẩn bị hung khí, có thái độ cầm kéo chỉ về phía nhóm của T trước, T và N2 mâu thuẫn với nhau nhưng rủ các bị cáo khác cùng phạm tội; tuy nhiên, hành vi của các bị cáo là do quen biết bạn bè với nhau, các bị cáo được được T và N2 rủ đi thì đồng ý, không có sự phân công, nên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Do đó, bị cáo T và bị cáo N2 phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhật T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2.

*Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa gây thiệt hại về tài sản. Các bị cáo khi phạm tội đều còn trẻ, suy nghĩ nông cạn, bốc đồng của tuổi mới lớn. Các bị cáo đều thuộc thành phần gia đình lao động nghèo, sự quan tâm của gia đình đối với các bị cáo chưa đầy đủ;

Xét thấy; trước khi xét xử bị cáo N2 được đưa vào cấp cứu tại Bệnh viện Đ2, sau đó chuyển đến B-Bộ C4 với chuẩn đoán: (R40.2) Hôn mê, không đặc hiệu; (Á.8) Nhiễm trùng huyết xác định; (R00.0) Nhịp nhanh tim, không đặc hiệu; (136) Nhồi máu não; Nhôn máu não cấp thùy đỉnh trái; (D68.9) Rối loạn đông máu không đặc hiệu; có hồi phục; (E87) Rối loạn cân bằng nước, điện giải và thăng bằng Kiềm toan (Hạ Natri máu và Kali máu); (K59.0) Táo bón; (É.1) Thiếu sắt; (L25) Viêm da tiếp xúc không đặc hiệu; (K21) Bệnh trào ngược dạ dày-thực quản. Bị cáo Thái Minh Quốc H8, Nguyễn Anh K, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Nhật T2 từng tham gia dân quân tự vệ tại địa phương

Các bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự. Nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên, Hội đồng xét xử thấy; không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo về địa phương nơi cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập xã hội, biết chấp hành pháp luật, thành công dân tốt cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

*Tình tiết tăng nặng: Không có

[8] Về các biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Đối với bị cáo Nguyễn Thái N2 bị các bị cáo đánh theo kết luận giám định số 87/TGT.23 ngày 23/02/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 3% (ba phần trăm). Tất cả các vết thương, chấn thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng. Quá trình điều tra gia đình các bị cáo đã bồi thường các khoản chi phí cho bị cáo N2 và bị cáo N2 đã có đơn không yêu cầu xử lý hình sự. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thái N2 giữ nguyên không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm

c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy; vật chứng 01 (một) cây kéo bằng kim loại có cán màu đỏ; 02 (hai) cây gỗ dài khoảng 02 mét; 01 (một) cây sắt, là hung khí của nhóm T và N2 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy; ý kiến đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[10] Đối với Trần Văn V1, Nguyễn Văn S1 không tham gia vào việc gây rối trật tự công cộng, nên không có cơ sở chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Lê Phi L4, Lê Phạm Lê Q đã có quyết định khởi tố nhưng các bị cáo bỏ trốn hiện truy nã, nên khi bắt được hoặc bị cáo tự thú sẽ xử lý sau.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự về xử lý vật chứng; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trọng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh K 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Nhất T2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Xử phạt: bị cáo Lê Thành T3 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Xử phạt: bị cáo Võ Tấn L1 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Xử phạt: bị cáo Ngô Khả D 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Xử phạt: bị cáo Thái Minh Quốc H8 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Minh T6 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Xử phạt: bị cáo Huỳnh Ngọc C1 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thái N2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Chính H7 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Phúc Bảo B2 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án Hình sự.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định).

Trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2 tại phiên tòa nếu các bị cáo không phạm tội khác.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kéo bằng kim loại có cán màu đỏ; 02 (hai) cây gỗ dài khoảng 02 mét; 01 (một) cây sắt.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKS-HS ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30/01/2024) (bút lục 617).

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Anh K, Huỳnh Nhất T2, Lê Thành T3, Võ Tấn L1, Ngô Kha D2, Thái Minh Quốc H8, Huỳnh Minh T6, Huỳnh Ngọc C1, Nguyễn Thái N2, Nguyễn Chính H7, Nguyễn Phúc Bảo B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TATpHCM;
- VKSND Huyện Hóc Môn;
- VKSND TpHCM;
- CQĐT CA H Hóc Môn;
- Chi cục THA DS H Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ CA HM;
- Thi hành án phạt tù;
- Bị cáo;
- Hồ sơ; Lưu./.

Nguyễn Thị Thúy Nga

